

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Hương

Bà Hoàng Thị Thiệu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Vân Kiều – Cán bộ Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương - Kiểm sát viên***

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2023, về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXX-ST Ngày 20/3/2024 giữa:

+Nguyên đơn: Ông Trần Đức K - sinh năm 1964. (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: Số A, phường B, quận Hai Bà Trưng- Hà Nội;

Chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã G, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

+Bị đơn: Bà Hồ Thị H- sinh năm 1965. (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở hiện nay: Số A, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, bản tự khai tại Tòa án ngày 05/5/2023 cũng như tại các buổi làm việc và phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn ông Trần Đức K trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức K và bà Hồ Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau. Năm 1987 ông K, bà H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau tại xã R, huyện Q, tỉnh Nghệ An đến ngày 26/12/1988 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Ông K, bà H chung sống hạnh phúc năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, bà H nghi ngờ ông K có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài. Cuối năm 2019 ông K chuyển vào Nghệ An sinh sống, ông và bà H ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông K đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hồ Thị H.

-Về con chung: Ông Trần Đức K và bà Hồ Thị H có 02 con chung là chị Trần Thị P- sinh năm 1989, anh Trần Đức C- sinh năm 1990. Hiện nay các anh chị đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định, có cuộc sống riêng, ông K đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về tài sản và nhà đất chung: Ông Trần Đức K, bà Hồ Thị H xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về công nợ chung: Ông K xác nhận ông bà không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2023 cũng như lời trình bày tại các buổi làm việc với Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị H xác nhận về quá trình tìm hiểu, kết hôn như ông K trình bày là đúng.

Quá trình chung sống vợ chồng: Bà H và ông K chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông K có quan hệ ngoại tình với người làm thuê trong xưởng của gia đình ông bà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài, bà H và ông K đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Tại buổi H giải ngày 16/11/2023 bà H có đề nghị Tòa án cho bà thời hạn 1 tháng để bà đợi kết quả giải quyết khiếu nại

tố cáo đối với ông K tại công an huyện Q, tỉnh Nghệ An về việc ông K có quan hệ ngoại tình với bà T là công nhân làm thuê trong xưởng của gia đình bà, nhưng cho đến nay bà chưa nhận được kết quả trả lời của công an huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nay ông K có đơn xin ly hôn đối với bà H, bà H cũng xác định tình cảm vợ chồng đến nay là không còn nhưng bà cũng không đồng ý ly hôn vì bà và ông K chưa tự thỏa thuận xong về tài sản chung vợ chồng.

-Về con chung: Bà Hồ Thị H và ông Trần Đức K có 02 con chung là chị Trần Thị P sinh năm 1989, anh Trần Đức C- sinh năm 1990. Hiện nay các anh chị đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định, bà H đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nhà đất chung: Bà Hồ Thị H xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Bà Hồ Thị H xác nhận bà và ông K không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án;

-Về quá trình tố tụng hồ sơ : Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử, Thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành và thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử.

-Về Hội đồng xét xử: Tuân thủ pháp luật, xét xử đúng trình tự tố tụng tại phiên tòa.

-Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn ông Trần Đức K , bị đơn bà Hồ Thị H chấp hành pháp luật, có mặt theo giấy báo của Tòa án và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn.

Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức K và bà Hồ Thị H đến với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau. Năm 1988 ông bà đi đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống không hợp nhau mặt khác bà H nghi ngờ ông K có quan hệ ngoại tình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng kéo dài. Ông K, bà H đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng của ông K, bà H hiện nay là không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình 2014 xét xử cho ông Trần Đức K được ly hôn bà Hồ Thị H.

Về con chung: Ông Trần Đức K và bà Hồ Thị H có 02 con chung là chị Trần Thị P- sinh năm 1989, anh Trần Đức C- sinh năm 1990. Hiện nay chị P, anh C đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nhà ở chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

Về công nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có công nợ chung, đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc ông Trần Đức K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định :

1.Về quan hệ pháp luật : Ông Trần Đức K và bà Hồ Thị H có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An từ năm 1988. Nay ông Trần Đức có đơn xin ly hôn đối với bà Hồ Thị H. Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị H có hộ khẩu thường trú tại số A, phường B, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và hiện nay bà H đang ăn ở, sinh sống thường xuyên tại địa chỉ này. Do vậy, căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Về nội dung vụ án: Ông Trần Đức K và bà Hồ Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ngày 26/12/1988, phù hợp với thông tin trên giấy chứng nhận kết

hôn, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn, ông K , bà H chung sống tại xã R, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đến năm 1996 thì chuyển ra Hà Nội. Ông bà chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống không hợp nhau, mặt khác bà H nghi ngờ ông K có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài. Ông K và bà H đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Tháng 2/2023 bà H có đơn tố cáo ông K tại Công an huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An về việc ông K có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng cho đến nay Công an huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An chưa có kết quả trả lời. Tại phiên tòa hôm nay ông K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng cũng không đồng ý ly hôn vì bà và ông K chưa thỏa thuận xong về phần tài sản chung vợ chồng .

Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông K , bà H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của ông K là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Trần Đức K được ly hôn với bà Hồ Thị H.

3.Về con chung: Ông Trần Đức K , bà Hồ Thị H có 02 con chung là chị Trần Thị P- sinh năm 1989, anh Trần Đức C- sinh năm 1990. Hiện nay chị P, anh C đã trên 18 tuổi, có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về tài sản chung vợ chồng: Ông Trần Đức K, bà Hồ Thị H xin tự thỏa thuận về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5.Về công nợ: Ông Trần Đức K , bà Hồ Thị H xác nhận ông bà không có công nợ chung, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

6.Về án phí: Ông Trần Đức K phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

7.Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đức K , bà Hồ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức K về việc "Ly hôn" với bà Hồ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức K được ly hôn bà Hồ Thị H.

2. Về con chung: Ông Trần Đức K , bà Hồ Thị H có 02 con chung là chị Trần Thị P- sinh năm 1989, anh Trần Đức C- sinh năm 1990, chị P anh C đã trên 18 tuổi, có việc làm ổn định Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Ông Trần Đức K , bà Hồ Thị H tự thỏa thuận về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về công nợ: Ông Trần Đức K , bà Hồ Thị H không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

6. Về án phí: Ông Trần Đức K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai số 0013648 ngày 21/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Ông K đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đức K , bà Hồ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

-Các đương sự;
-VKSND TP Hà Nội;
-TAND TP Hà Nội;
-VKSND quận Hai Bà Trưng;
-Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
-UBND xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu,
tỉnh Nghệ An (giấy chứng nhận kết hôn ngày
26/12/1988)
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Thắng